**Trường THCS Trần Nhật Duật ĐỀ SỐ 1 VẬT LÝ 8**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: *Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

**Câu 1:** Người lái đò đang ngồi yên trên chiếc thuyền thả trôi theo dòng nước. Câu mô tả nào sau đây là đúng?

A. Người lái đò đứng yên so với dòng nước.

B. Người lái đò chuyển động so với dòng nước,

C. Người lái đò đứng yên so với bờ sông

D. Người lái đò chuyển động so với chiếc thuyền

**Câu 2:** Hành khách ngồi trên xe ôtô đang chuyển động bỗng thấy mình bị nghiêng người sang trái, chứng tỏ xe

A. đột ngột giảm vận tốc. B. đột ngột tăng vận tốc.

C. đột ngột rẽ sang trái. D. đột ngột rẽ sang phải.

**Câu 3:** Câu nào sau đây nói về áp suất chất lỏng là đúng?

A. Chất lỏng chỉ gây áp suất theo phương thẳng đứng từ trên xuống

B. Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào bản chất của chất lỏng.

C. Chất lỏng gây áp suất theo mọi phương

D. Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào chiều cao của chất lỏng.

**Câu 4:** Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào

A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.

B. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

C. trọng lượng riêng và thể tích của vật.

D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

**Câu 5:** Cách làm nào sau đây giảm được lực ma sát?

A. Tăng độ nhám của mặt tiếp xúc. B. Tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

C. Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc. D. Tăng diện tích bề mặt tiếp xúc.

**Câu 6:** Càng lên cao, áp suất khí quyển

A. càng tăng B. càng giảm

C. không thay đổi D. có thế tăng và cũng có thể giảm

**Câu 7:** Một áp lực 600N lên diện tích mặt bị ép là 0,2 m2. Độ lớn của áp suất là:

A. 3000N/m2  B. 300N/m2  C. 30N/m2  D. 3N/m2

**Câu 8:** Một vật có thể tích 120 cm3 được thả chìm trong nước. Biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m3. Độ lớn của lực đẩy Ac-si-mét là

A. 1200N B. 120N C. 12N D. 1,2N

**Câu 9:** Một vật chuyển động thẳng đều với vận tốc 5m/s. Thời gian để vật chuyển động hết quãng đường 200m là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 20s | B. 30s |  C. 40s |  D. 50s |

**Câu 10:** Người ta dùng một cần cẩu để nâng một thùng hàng khối lượng 250kg lên độ cao 5m. Công thực hiện được trong trường hợp này là

A. 1250 J B. 12500 J C.125000 J D. 1250000 J

**Câu 11:** Một người đi bộ đi đều trên đoạn đường đầu dài 2 km với vận tốc 2 m/s, đoạn đường sau dài 2,2 km người đó đi hết 0,5 giờ. Vận tốc trung bình của người đó trên cả đoạn đường là:

A. 2,1 m/s. B. 1 m/s. C. 3,2 m/s. D. 1,5 m/s.

**Câu 12:** Một viên bi chuyển động trên một máng nghiêng dài 40cm mất 2s rồi tiếp tục chuyển động trên đoạn đường nằm ngang dài 30cm mất 5s. Vận tốc trung bình của viên bi trên cả 2 đoạn đường là:

A. 13cm/s; B. 10cm/s; C. 6cm/s; D. 20cm/s.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1**: Định nghĩa chuyển động không đều? Viết công thức vận tốc trung bình của chuyển động không đều.

**Câu 2**: Thế nào là ma sát trượt? Lấy hai ví dụ về ma sát trượt.

**Câu 3**: Một bể cao 1,5m chứa đầy nước. Cho biết trọng lượng riêng của nước 10000N/m3. Tính áp suất của nước lên một điểm ở đáy bể.

**Câu 4**: Một con bò kéo xe chuyển động đều với lực kéo là 600N, trong 10 phút công thực hiện được là 360000J. Tính vận tốc chuyển động của xe theo đơn vị m/s.

**ĐỀ SỐ 2 VẬT LÝ 8**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: *Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

**Câu 1:** Tìm trong các chuyển động dưới đây, chuyển động nào là chuyển động không đều ?

1. Chuyển động quay của Trái Đất xung quang trục của nó
2. Chuyển động quay của cánh quạt điện khi nguồn điện đã ổn định.
3. Chuyển động của một quả bóng đá lăn lên dốc.
4. Chuyển động của kim phút đồng hồ

**Câu 2:** Một vật đang chuyển động chịu tác dụng của hai lực cân bằng thì

1. Vật chuyển động với vân tốc tăng dần
2. Vật chuyển động với vân tốc giảm dần
3. Hướng chuyển động của vật thay đổi
4. Vật giữ nguyên vận tốc.

**Câu 3:** Áp lực là

1. Lực tác dụng lên mặt bị ép
2. Lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép
3. Trọng lực của vật tác dung lên mặt phẳng nghiêng
4. Lực tác dụng lên vật

**Câu 4:** Đơn vị đo áp suất là

1. N/m3 B.N/cm C. N/m D. N/m2

**Câu 5:** Khi một vật nhúng trong lòng chất lỏng, vật nổi lên khi.

1. Trọng lượng riêng của vật lớn hơn trọng lượng riêng của chất lỏng
2. Trọng lượng riêng của vật nhỏ hơn trọng lượng riêng của chất lỏng
3. Trọng lượng riêng của vật bằng trọng lượng riêng của chất lỏng
4. Trọng lượng riêng của vật bằng trọng lượng của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ

**Câu 6:** Một tàu ngầm lặn dưới đáy biển ở độ sâu 200m, biết rằng trọng lượng riêng trung bình của nước biển là 10300N/m3. Áp suất dụng lên mặt ngoài của thân tàu là bao nhiêu ?

1. 2060N/m2 B. 206000 N/m2 C. 20600 N/m2 D. 2060000 N/m2

**Câu 7:** Hai ô tô đi trên cùng 1 quảng đường từ A đến B, xe thứ nhất đi mất 180 phút, xe thứ hai đi mất 4h. Nếu vận tốc của xe thứ hai là 12,5 m/s thì vận tốc của xe thứ nhất là.

1. 50km/h B.60km/h C.55km/h D.65km/h

**Câu 8:**Móc một quả nặng vào lực kế, số chỉ của lực kế 20 N. Nhúng chìm quả nặng vào trong nước, số chỉ của lực kế thay đổi như thế nào ?

Giảm đi B. Tăng lên C. Không thay đổi D. Chỉ số 0

**Câu 9:** Khi xe đạp, xe máy đang xuống dốc, muốn dừng lại một cách an toàn nên hãm phanh bánh nào?

A/ Bánh trước B/ Bánh sau

C/ Đồng thời cả hai bánh D/ Bánh trước hoặc bánh sau đều được

**Câu 10:** Một vật đặt trên mặt bàn nằm ngang. Dùng tay búng vào vật để vật chuyển động. Vật chuyển động chậm dần vì

A/ trọng lực B/ quán tính

C/ lực búng của tay D/ lực ma sát

**Câu 11:** Một người đi quãng đường dài 1,5 km với vận tốc 10m/s. thời gian để người đó đi hết quãng đường là:

A. t = 0,15 giờ. B. t = 15 giây. C. t = 2,5 phút. D. t = 14,4phút.

**Câu 12:** Một người đi xe máy với vận tốc 12m/s trong thời gian 20 phút. Quãng đường người đó đi được là:

A. 240m. B. 2400m. C. 14,4 km. D. 4km.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** Một người đi bộ trên quãng đường đầu dài 3km hết 30 phút. Ở quãng đường sau dài 1,8 km người đó đi với vận tốc 3,6 km/h . Tính vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quảng đường.

**Câu 2:** Biểu diễn lực sau đây; Lực kéo 15 000 N tác dụng vào một vật theo phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải ( tỉ lệ xích 1 cm ứng với 5 000 N).

**Câu 3:** Treo một quả nặng vào lực kế ở ngoài không khí thì lực kế chỉ giá trị P1 = 5N. Khi nhúng vật nặng vào vào nước lực kế chỉ P2  = 3N.

1. Tính lực đẩy Ác – Si – mét.
2. Tính thể tích của phần chất lỏng bị vật nặng chiếm chỗ. Biết trọng lượng riêng của nước là

dN =10.000N/m3

**Câu 4:** Một bao thóc có khối lượng 50kg được đặt trên mặt đất và có diện tích tiếp xúc với mặt đất là 4000cm2. Tính áp suất bao thóc đó tác dụng lên mặt đất

**ĐỀ SỐ 3 VẬT LÝ 8**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: *Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

***Câu 1: Trong các chuyển động nào sau , chuyển động nào là chuyển động đều ?***

A/ Ô tô chuyển động trên đường B / Máy bay đang bay trên bầu trời

C/ Chuyển động của kim đồng hồ D/ Không có chuyển động nào

***Câu 2: Đơn vị hợp pháp của vận tốc là:***

 A/ m/h B/ km/h C/ km/s D/ s/m

***Câu 3: Khi chỉ có một lực tác dụng lên vật thì vận tốc của vật sẽ như thế nào?***

A/ Không thay đổi B/ Có thể tăng dần

C/ Có thể giảm dần D/ Có thể tăng dần và Có thể giảm dần

***Câu 4 : Hai lực cân bằng có các đặc điểm nào sau đây :***

A/ Cùng cường độ

B/ Có cùng phương nhưng ngược chiều

C/ Tác dụng vào cùng một vật

D/ Cùng cường độ, có cùng phương nhưng ngược chiều và tác dụng vào cùng một vật

***Câu 5 : Trường hợp nào sau đây áp lực của người lên mặt sàn là lớn nhất?***

A/ Người đứng cả hai chân B/ Người đứng cả hai chân cúi gập xuống

C/ Người đứng co một chân D/ Người đứng cả hai chân tay cầm quả tạ

***Câu 6: Trọng lượng riêng của nước là 10000N/m3 của thủy ngân là 136000N/m3. Ở cùng một độ sâu như nhau thì áp suất của thủy ngân lớn hơn áp suất của nước bao nhiêu lần:***

A/ 1,36 lần B/ 13,6 lần C/ 136 lần D/ 1360 lần

***Câu 7: Một vật sẽ bị chìm trong chất lỏng khi nào:***

A/ FA < P B/ FA > P C/ FA = P D/ Không có trường hợp nào?

***Câu 8: Những vật nào sau đây không chịu áp suất khí quyển:***

A/ Quyển sách để trên bàn B/ Hòn đã dưới dáy sông

C/ Cánh quạt đang chạy ổn định D/ Dây tóc của bóng đèn

***Câu 9: Công thức nào sau đây là công thức tính áp suất chất lỏng :***

A/ p = d.V B/ P =d/h C/ P = 10.m D/ p = d.h

***Câu 10: Một áp lực 600N gây ra áp suất 3000 N/ m3 lên diện tích bị ép có độ lớn***

A/ 2000cm2 B/ 200cm2 C/ 20cm2 D/ 0,2cm2

***Câu 11: Càng lên cao áp suất khí quyển***

A/ Càng tăng B/ Càng giảm

C/ Không thay đổi D/ Có thể tăng và có thể giảm

***Câu 12: Nếu thả một chiếc nhẫn bằng bạc vào chậu thủy ngân thì***

A/ Nhẫn nổi B/ Nhẫn chìm

C/ Nhẫn lơ lửng D/ Có thể chìm và có thể nổi

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

***Câu 1:***

Hai xe ô tô khởi hành cùng một lúc từ hai điểm A và B, cùng đến điểm C . Biết đoạn đường AC = 120 km, đoạn đường BC = 96 km , xe khởi hành tại A đi với vân tốc 50 km/h

a/ Tính thời gian xe khởi hành tại A đi hết đoạn đường ?

b/ Muốn hai xe đến C cùng một lúc thì xe khởi hành tại B đi với vận tốc là bao nhiêu ?

***Câu 2 :***

Một vật có thể tích V thả vào trong chậu nước thấy vật chỉ chìm trong nước 4/5 thể tích , còn 1/5 thể tích nhô lên mặt nước . Tính khối lượng riêng của chất làm vật ? biết Dnước = 1000kg/m3

**ĐỀ 4 VẬT LÝ 8**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: *Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

**Câu 1: Một ôtô đỗ trong bến xe, trong các vật mốc sau đây, đối với vật mốc nào thì ôtô xem là chuyển động? Chọn câu trả lời đúng.**

1. Bến xe               B. Một ôtô khác đang rời bến

C. Cột điện trước bến xe D. Một ôtô khác đang đậu trong bến

**Câu 2: 18km/h tương ứng với bao nhiêu m/s? Chọn kết quả đúng**

A. 5 m/s     B. 15 m/s         C. 18 m/s          D. 1,8 m/s

**Câu 3: Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào vận tốc của vật thay đổi?**

1. Khi có một lực tác dụng lên vật

B. Khi không có lực nào tác dụng lên vật

C. Khi có hai lực tác dụng lên vật cân bằng nhau

D. Khi các lực tác dụng lên vật cân bằng

**Câu 4: Một vật có khối lượng m = 8 kg buộc vào một sợi dây. Cần phải giữ dây với một lực là bao** nhiêu để vật cân bằng?

A. F > 80 N       B. F = 8N       C. F < 80 N       D. F = 80 N

**Câu 5: Trường hợp nào sau đây không có công cơ học?**

A. Một học sinh đang cố sức đẩy hòn đá nhưng không dịch chuyển.

B. Người lực sĩ đang nâng quả tạ từ thấp lên cao.

C. Một khán giả đang ngồi xem phim trong rạp.

D. Một em bé đang búng cho hòn bi lăn trên mặt bàn.

**Câu 6: Một bình hình trụ cao 25cm đựng đầy nước. Biết trọng lượng riêng của nước là 10 000N/m3. Áp suất của nước tác dụng lên đáy bình là:**

A. 25Pa        B. 250Pa         C. 2500Pa        D. 25000Pa.

**Câu 7: Một chiếc xe máy chở hai người chuyển động trên đường. Trong các câu mô tả sau câu nào đúng.**

A. Người cầm lái chuyển động so với chiếc xe. C. Hai người chuyển động so với mặt đường.

B. Người ngồi sau chuyển động so với người cầm lái. D. Hai người đứng yên so với bánh xe.

**Câu 8: Trong các ví dụ về vật đứng yên so với vật mốc sau đây ví dụ nào là *sai*.**

A. Trong chiếc đồng hồ đang chạy đầu kim đứng yên so với cái bàn.

B. Trong chiếc ô tô đang chuyển động người lái xe đứng yên so với ô tô.

C. Trên chiếc thuyền đang trôi theo dòng nước người lái thuyền đứng yên so với chiếc thuyền.

D. Cái cặp để trên mặt bàn đứng yên so với mặt bàn.

**Câu 9: Hãy chọn câu trả lời đúng. Một người ngồi trên đoàn tàu đang chạy thấy nhà cửa bên đường chuyển động. Khi ấy người đó đã chọn vật mốc là:**

A.Toa tàu. B. Bầu trời. C. Cây bên đường. D. Đường ray.

**Câu 10: Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào s*ai*?**

A. Vận tốc cho bíêt mức độ nhanh hay chậm của chuyển động.

B. Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

C. Công thức tính vận tốc là : v = s.t. D. Đơn vị của vận tốc là km/h.

**Câu 11: Chuyển động của vật nào sau đây được coi là đều ?**

A. Chuyển động của ôtô đang chạy trên đường.

B. Chuyển động của tàu hoả lúc vào sân ga.

C. Chuyển động của máy bay đang hạ cánh xuống sân bay.

D. Chuyển động của chi đội đang bước đều trong buổi duyệt nghi thức đội.

**Câu 12: Muốn biểu diễn một véc tơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố :**

A. Phương, chiều. B. Điểm đặt, phương, chiều.

C. Điểm đặt, phương, độ lớn. D. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

**Câu 13: Vì sao nói lực là một đại lượng véc tơ ?**

A. Vì lực là đại lượng chỉ có độ lớn.

B. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương.

C. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều.

D. Vì lực là đại lượng vừa có phương vừa có chiều.

**Câu 14: Trong các câu sau, câu nào *sai*?**

A. Lực là một đại lượng véc tơ. B. Lực có tác dụng làm thay đổi độ lớn của vân tốc.

C. Lực có tác dụng làm đổi hướng của vận tốc. D. Lực không phải là một đại lượng véc tơ.

**Câu 15: Thế nào là hai lực cân bằng ?**

A. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng, ngược chiều và cùng tác dụng vào một vật.

B. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng, cùng chiều và cùng tác dụng vào một vật.

C. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng và ngược chiều.

D. Hai lực cùng cường độ, cùng phương, cùng chiều và cùng tác dụng vào một vật.

**Câu 16: Khi vật chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì:**

A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động;

B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm dần.

C. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

D. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh dần.

**Câu 17: Trường hợp nào không chịu tác dụng của 2 lực cân bằng:**

A. Quyển sách nằm yên trên mặt bàn nằm ngang. B. Hòn đá nằm yên trên dốc núi.

C. Giọt nước mưa rơi đều theo phương thẳng đứng. D. Một vật nặng được treo bởi sợi dây.

**Câu 18: Quán tính là:**

A. tính chất giữ nguyên độ lớn và hướng của vận tốc.

B. tính chất giữ nguyên trọng lượng của vật.

C. tính chất giữ nguyên vận tốc của vật.

D. tính chất giữ nguyên thể tích của vật.

**Câu 19: Xe ôtô đang chuyển động đột ngột dừng lại. Hành khách trong xe bị:**

A. Nghiêng người sang phía trái; B. Nghiêng người sang phía phải;

C. Xô người về phía trước; D. Ngả người về phía sau.

**Câu 20: Trong các trường hợp dưới đây trường hợp nào ma sát có ích?**

A. Ma sát làm mòn lốp xe. B. Ma sát làm ô tô qua được chỗ lầy.

C. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe. D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên mặt sàn.

**Câu 21: Trường hợp nào dưới đây, lực ma sát có hại?**

A. Dùng tay không rất khó mở nắp lọ bị kẹt.

B. Ma sát làm nóng và làm mòn những bộ phận chuyển động của máy móc.

C. Trời mưa, trên đường nhựa đi xe đạp dễ bị ngã.

D. Tất cả các trường hợp trên lực ma sát đều có hại.

**Câu 22: Phát biểu nào sau đây đúng khái niệm áp lực ?**

A. Áp lực là lực ép lên mặt bị ép. B. Áp lực là trọng lượng của vật ép lên mặt sàn.

C. Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.

D. Áp lực là trọng lượng của vật ép vuông góc lên mặt sàn.

**Câu 23: Đơn vị đo áp suất là gì ?**

A. Niutơn (N). B. Niutơn mét (Nm).

C. Niutơn trên mét (N/m). D. Niutơn trên mét vuông (N/m2).

**Câu 24: Phát biểu nào sau đây đúng về độ lớn của áp suất chất lỏng ?**

A. Độ lớn của áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc độ sâu từ mặt thoáng đến điểm tính áp suất.

B. Độ lớn của áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc trọng lượng riêng chất lỏng.

C. Độ lớn của áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc hình dạng bình chứa.

D. Độ lớn của áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc trọng lượng riêng chất lỏng và độ sâu từ mặt thoáng đến điểm tính áp suất.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1**. Một ôtô chuyển động thẳng đều, lực kéo của động cơ ôtô là 4000N. Trong 10 phút xe đã thực hiện được một công là 32 000 000J.

a) Tính quãng đường chuyển động  của xe.

b) Tính vận tốc chuyển động của xe.

**Câu 2**. Một vật đặc khi ở ngoài không khí có trọng lượng là P = 25N. Khi treo vật vào lực kế rồi nhúng chìm vật trong nước, thì lực kế chỉ giá trị là F = 13N. (biết dn = 10000N/m3)

a) Tính lực đẩy Acsimet lên vật.

b) Tính thể tích của vật.

**Câu 3**. Tính áp suất mà nước biển gây ra tại một điểm nằm sâu 0,02km dưới mặt nước biển. Cho trọng lượng riêng của nước biển là 10300N/m3.

**Câu 4.** Một vật xuất phát từ A chuyển động đều về B cách A là 240km với vận tốc 10m/s. Cùng lúc đó một vật khác chuyển động đều từ B về A, sau 15 giây 2 vật gặp nhau. Tìm vận tốc của người thứ 2 và vị trí gặp nhau?

**Câu 5.** Lúc 10 giờ hai xe máy cùng khởi hành từ hai địa điểm A và Bcách nhau 96 km và đi ngược chiều nhau. Vận tốc xe đi từ A là 36km/h của xe đi từ B là 28km/h

a) Xác định vị trí và thời điểm hai xe gặp nhau

b) Sau bao lâu thì hai xe cách nhau 32 km kể từ lúc gặp nhau

**Câu 6.** Chiều cao tính từ đáy tới miệng một cái ống nhỏ là 140cm

a)Người ta đổ thủy ngân vào ống sao cho mặt thủy ngân cách miệng ống 25Cm, tính áp suất do thủy ngân tác dụng lên đáy ống và lên điểm A cách miệng ống 100cm.

b) Để tạo ra một áp suất ở đáy ống như câu a, có thể đổ nước vào ống được không ? Đổ đến mức nào?

Cho biết trọng lượng riêng của thủy ngân là 136000N/m3, của nước là 10000N/m3

**ĐỀ 5 VẬT LÝ 8**

**Bài 1**. Một vật chuyển động trên đoọan đường AB dài 240m. trong nửa đoạn đường đầu nó đi với vận tốc 6 m/s, nửa đoạn đường sau nó đi với vận tốc 12m/s. Tính thời gian vật chuyển động hết quãng đường AB.

**Bài 2**. Một ôtô đi 30 phút trên con đường bằng phẳng với vận tôc 40km/h, sau đó lên dốc 15 phút với vận tốc 32 km/h. Tính quãng đường ôtô đã đi trong hai giai đoạn trên.

**Bài 3**. Một vận động viên thực hiện cuộc đua vượt đèo như sau: quãng đường lên đèo 45km đi trong 2giờ 15 phút. Quãng đường xuống đèo 30km đi trong 24 phút. Tính vận tốc trung bình trên mỗi quãng đường đua và trên cả quãng đường.

**Bài 4:** Một người thợ lặn, lặn ở độ sâu 40m so với mặt nước biển.

a) Tính áp suất ở độ sâu đó.

b) Cửa chiếu sáng của áo lặn có diện tích 180cm2. Tính áp lực của nước tác dụng lên phần diện tích này. Biết trọng lượng riêng của nước biển 10300N/m3.

**Bài 5**. Một quả cầu bằng thủy tinh có khối lượng 1kg, khối lượng riêng 2700 kg/ m3 treo vào một lực kế. Sau đó nhúng vào nước. tính:

a) Trọng lượng quả cầu khi chưa nhúng vào nước.

b) Lực đẩy Acsimet lên quả cầu khi nhúng vào nước.

c) Lực kế chỉ bao nhiêu khi đã nhúng vào nước?

**Bài 6**. Moät thoûi theùp coù theå tích 2 dm3 ñöôïc nhuùng chìm trong nöôùc. Tính löïc ñaåy Acsimet taùc duïng leân thoûi theùp. Bieát troïng löôïng rieâng cuûa nöôùc d = 10000 N/m3.